

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2020/HSST
Ngày 09/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn - Phó ban pháp chế Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Chu Thị Hồng Nhật - Hiệu trưởng trường tiểu học Kim Đồng, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2020/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/HSST- QĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 10/9/2003 tại tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn M và bà: Phạm Thị M; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 154, ngày 13/6/2018, Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03, ngày 19/10/2018, Công an thành phố Hải Dương xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

* Người đại diện cho bị cáo: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương (Là bố đẻ bị cáo).

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đào Quang Nghị - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình.

* Bị hại: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1939.

Nơi cư trú: Số nhà 03, ngõ 401, đường L, tổ 15, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

* Người chứng kiến:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945.

Nơi cư trú: Số nhà 03/01, ngõ 401, đường L, tổ 15, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số nhà 03, ngõ 401, đường L, tổ 15, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo, ông M, ông N có mặt tại phiên tòa. Bà N, bà T, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 21/4/2020, Nguyễn Văn M đi bộ lang thang trên đường Lý Bôn, thành phố Thái Bình với mục đích thấy có ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, M đi đến cổng nhà bà Bùi Thị N, thấy cổng sắt và cửa nhà mở, thấy không có người, M đi vào nhà quan sát thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Dell, màu đen M đi lại vị trí chiếc điện thoại và máy tính bảng cúi xuống dùng tay trái cầm chiếc điện thoại, dùng tay phải cầm chiếc máy tính bảng đi ra cổng. M vừa ra khỏi cổng, rẽ phải ra ngõ 401 được khoảng 02 mét thì bị bà Bùi Thị N phát hiện, hô hoán. Anh Phạm Văn T là con trai của bà N chạy ra bắt giữ M lại. Anh T lên trụ sở Công an phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình trình báo sự việc.

Kết luận định giá tài sản số 15/KLĐG-HĐĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Tổng giá trị tài sản là 3.300.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi như bản cáo trạng đã nêu là đúng.

Bản cáo trạng số 91/CT-VKSTPTB ngày 01/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 91, Điều 100, Điều 36: Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa, không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M phát biểu bào chữa: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ văn hóa học hết lớp 6. Khi phạm tội là người chưa thành niên nên sự nhận thức và hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Người bào chữa không có ý kiến tranh luận.

Người đại diện của bị cáo không trình bày bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên là các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến và được chứng minh bằng:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang.
- Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường.
- Bản kết luận định giá tài sản số 15/KLĐG-HĐĐG ngày 23/4/2020.
- Biên bản ghi lời khai của bị hại.
- Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến.

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 21/4/2020, Nguyễn Văn M có hành vi đột nhập vào nhà bà Bùi Thị N trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Dell màu đen. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.300.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội “Trộm cắp tài sản” quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

* Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 16 năm 7 tháng 11 ngày tuổi là người chưa thành niên. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu, nhưng không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo là người chưa thành niên, Hội đồng xét xử miễn khẩu trừ thu nhập.

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại bà Bùi Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Dell màu đen đã cũ, đã bị vỡ màn hình. Bà N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 91, 100, Điều 36 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 135; Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và Bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị N đã nhận lại đủ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2020). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết